

Số: /NQ-HĐND

Quảng Nam, ngày tháng năm 2019

Dự thảo

NGHỊ QUYẾT

**Chương trình Sữa học đường đối với trẻ em mầm non và học sinh tiểu học
tại 06 huyện miền núi cao tỉnh Quảng Nam**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 13**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 226/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chiến lược quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1340/QĐ-TTg ngày 08 tháng 7 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình Sữa học đường cải thiện tình trạng dinh dưỡng góp phần nâng cao tầm vóc trẻ em mẫu giáo và tiểu học đến năm 2020;

Xét Tờ trình số: 7165 /TTr-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị thông qua Đề án và ban hành Nghị quyết về Chương trình Sữa học đường đối với trẻ em mầm non và học sinh tiểu học tại 06 huyện miền núi cao tỉnh Quảng Nam; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa – Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Mục tiêu thực hiện Chương trình Sữa học đường

1. Thực hiện Chương trình Sữa học đường nhằm bổ sung dinh dưỡng và các vi chất cần thiết góp phần phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em lứa tuổi mầm non và tiểu học, thông qua đó góp phần cải thiện tầm vóc thể hệ tương lai của thanh thiếu niên tỉnh Quảng Nam.

2. Nâng cao nhận thức của cộng đồng, cha, mẹ, người chăm sóc về tầm quan trọng của dinh dưỡng đối với sự phát triển toàn diện về tầm vóc, thể lực và trí tuệ của trẻ em, đặc biệt là bữa ăn học đường và sử dụng các sản phẩm sữa phù hợp theo nhóm tuổi.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng thụ hưởng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định Chương trình Sữa học đường đối với trẻ em mầm non và học sinh tiểu học tại 06 huyện miền núi cao tỉnh Quảng Nam.

2. Đối tượng thụ hưởng: Trẻ nhà trẻ (*từ 12 đến 36 tháng*), trẻ mẫu giáo (*từ 3-6 tuổi*) và học sinh tiểu học (*từ lớp 1 đến lớp 5*) đang theo học tại các cơ sở giáo dục công lập và ngoài công lập đã được cấp phép trên địa bàn các huyện miền núi cao: Nam Trà My, Bắc Trà My, Đông Giang, Nam Giang, Tây Giang, Phước Sơn.

Điều 3. Định mức thụ hưởng

1. Trẻ nhà trẻ: Mỗi ngày được uống 1 hộp 110ml, uống 05 lần/tuần trong thời gian 9 tháng đi học/năm học.

2. Trẻ mẫu giáo và học sinh tiểu học: Mỗi ngày được uống 1 hộp 180ml, uống 05 lần/tuần trong thời gian 9 tháng đi học/năm học.

Điều 4. Thời gian thực hiện

Từ tháng 01 năm 2020 đến hết tháng 5 năm 2022 (*tương ứng với Học kỳ II năm học 2019-2020 và hai năm học: 2020-2021, 2021-2022*).

Điều 5. Kinh phí thực hiện

1. Ngân sách tỉnh đảm bảo 100% kinh phí thực hiện.

2. Dự kiến kinh phí thực hiện cho giai đoạn 2020-2022: Khoảng **110.885.235.000 đồng**.

a) Chi phí mua sữa: khoảng 109.418.235.000 đồng.

b) Chi phí hỗ trợ công tác kiểm tra, giám sát trong quá trình thực hiện: Khoảng 1.467.000.000 đồng.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết.

3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam Khóa IX, Kỳ họp thứ 13 thông qua ngày... tháng ... năm 2019 và có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Ban CTĐB - UBND tỉnh;
- VP: QH, CTN, CP;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Ban TVTU, TT HĐND, UBND tỉnh;
- UBMTTQVN, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, UBND tỉnh;

CHỦ TỊCH

- Các sở, ban, ngành, đoàn thể thuộc tỉnh;
- TT.HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- TTXVN tại QN;
- TT Tin học - Công báo tỉnh;
- Báo QNam, Đài PT-TH QNam;
- CPVP, CV;
- Lưu VT.